TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2018/DS-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tiêu Thị Kim Liên
Ông Võ Thành Viên
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/DSST ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc : " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXX- DS ngày 19 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2018/ QĐST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T
Trụ sở: Lầu 8, 266 N, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Bà D–Chức vụ : Tổng giám đốc
Trụ sở: Lầu 8, 266 N, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông M, sinh năm 1970; Địa chỉ : Số 11 KP2A Phường D, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt) .
(Theo văn bản ủy quyền số: 1750/2017/UQ-TTT ngày 27/12/2017 và1750A/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018).
2. Bị đơn: Bà T , sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 214 đường E (cũ là 3 đường F), Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông M trình bày:

Ngày 17/6/2009, bà T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 24.365.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán(Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nên ngày16/3/2012, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang dư nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiên phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 05/12/2017 là 14.250.102đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 4.386.798đồng.
- Lãi quá hạn: 9.863.304đồng.

Và bà T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/12/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tính đến ngày 26/7/2018, bà T còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 15.348.930 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 4.386.798đồng.
- Lãi quá hạn: 10.962.132 đồng.

Bà T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập bà T đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà T không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà T tại địa chỉ : Số 3/8 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được biết bà T có hộ khẩu thường trú tại số 214 đường số 3(cũ là số 3/8 Phạm Văn Chiêu), Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hiện không thực tế cư trú tại địa phương chuyển đi đâu chưa rõ địa chỉ từ năm 2015 cho đến nay .

Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ của bà T, tuy nhiên bà T chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng, vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bà T tại địa chỉ số 214 đường E (cũ là số 3 đường F), Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt bà T .

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T do ông M là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu buộc bà T phải trả số tiền 15.348.930 đồng, tính đến ngày 26/7/2018 trong đó:

- Nợ gốc : 4.386.798đồng.
- Lãi quá hạn: 10.962.132 đồng.

Bà T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 15.348.930 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 4.386.798 đồng.
- Lãi quá hạn: 10.962.132 đồng

Bà T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện bị đơn bà T về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/6/2009 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn bà T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 214 đường số 3(cũ là 3/8 Phạm Văn Chiêu), Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/6/2009 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T với bà T cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiên giao dịch với tổng số tiền là 22.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.365.000 đồng còn lại nợ gốc là 4.386.798 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 15/5/2012, bà T không thanh toán thêm cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc là 4.386.798 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2018 là 10.962.132 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 356.252 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 15.348.930đồng . Do đó bị đơn phải chịu án phí là 767.446 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 15.348.930 (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm ba mươi) đồng, tính đến ngày 26/7/2018. Trong đó nợ gốc là 4.386.798 đồng và lãi quá hạn: 10.962.132 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 27/7/2018 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 17/6/2009 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 767.446(Bảy trăm sáu bảy ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

Hoàn lại 356.252 (Ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0028308 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn